

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Công văn số: /STC-NS ngày tháng năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	CÁCH CHẤM ĐIỂM	TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCCH)			
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4,00		
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước (bao gồm UBND cấp xã)	2,00		
6.1.1	Xây dựng và cập nhật, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	0,50	<p>1. Xây dựng và cập nhật, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm hiện hành đầy đủ, kịp thời: 0,25 điểm.</p> <p>2. Cơ quan xây dựng QCCTNB (bao gồm UBND cấp xã) gửi quy chế đến cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát: 0,25 điểm.</p> <p>- Nếu cơ quan tài chính yêu cầu cơ quan xây dựng QCCTNB điều chỉnh quy chế cho phù hợp với chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành, thì cơ quan xây dựng QCCTNB hoàn chỉnh theo ý kiến của cơ quan tài chính và gửi lại cơ quan tài chính.</p> <p>- Trường hợp cơ quan tài chính chưa phát hiện QCCTNB vượt chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành nên không có văn bản yêu cầu cơ quan xây dựng quy chế điều chỉnh lại thì cơ quan xây dựng QCCTNB phải chứng minh thời gian gửi QCCTNB đến cơ quan tài chính để kiểm tra, phục vụ chấm điểm và xem như có văn bản thống nhất của cơ quan tài chính.</p> <p>3. Trường hợp xây dựng và cập nhật, bổ sung chưa đầy đủ, không kịp thời hoặc không xây dựng: 0 điểm.</p> <p><i>(Áp dụng đối với cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ).</i></p>	<p>- Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm hiện hành (Trường hợp có sửa đổi, bổ sung thì cung cấp quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi, bổ sung và quy chế chi tiêu nội bộ sửa đổi, bổ sung).</p> <p>- Việc chứng minh thời gian gửi quy chế về cơ quan tài chính để kiểm tra, phục vụ chấm điểm (trong trường hợp cơ quan cơ quan tài chính không có văn bản yêu cầu cơ quan xây dựng quy chế điều chỉnh lại quy chế), ví dụ: Trên phần mềm thì chụp màn hình tại đơn vị đã gửi QCCTNB đến cơ quan tài chính.....</p> <p>- Công văn có ý kiến của cơ quan tài chính (nếu có).</p> <p>- Công văn thống nhất của cơ quan tài chính (nếu có).</p>

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	CÁCH CHẤM ĐIỂM	TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
6.1.2	Công khai dự toán năm hiện hành và quyết toán ngân sách năm trước liền kề theo quy định	0,50	<p>1. Công khai ngân sách đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công khai dự toán, thu chi NSNN (biểu số 02 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC) và Công khai quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước (năm trước liền kề) theo biểu số 04 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC đúng thời gian quy định: 0,25 điểm. - Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước quý I/06 tháng/quý III (biểu số 03 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC) đúng thời gian quy định: 0,25 điểm. <p>2. Trường hợp không công khai hoặc công khai chưa đúng biểu; trễ thời gian quy định: 0 điểm.</p>	Văn bản công khai dự toán năm hiện hành và quyết toán ngân sách năm trước liền kề, kèm các mẫu biểu công khai theo quy định (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập).
6.1.3	Thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị năm trước liền kề	1,00	<p>1. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị năm trước liền kề: 0,5 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện đầy đủ nội dung, đúng mẫu biểu theo quy định: 0,25 điểm. - Gửi về Sở Tài chính chậm nhất ngày 28 tháng 02 năm hiện hành (theo dấu đến của Sở Tài chính): 0,25 điểm. <p>2. Tình hình thanh tra, kiểm toán: 0,5 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề: <ul style="list-style-type: none"> + Không có kết luận sai phạm của cơ quan thanh tra, kiểm toán về xử lý tài chính: 0,5 điểm. + Trường hợp có kết luận sai phạm của cơ quan, kiểm toán về tài chính: 0 điểm. - Không có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề: hạ điểm chuẩn. 	<p>1. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.</p> <p>2. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của các huyện, thị xã, thành phố (để đối chiếu số liệu phục vụ chấm điểm).</p> <p>3. Kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề (Trường hợp không có thanh tra, kiểm tra thì báo rõ để phục vụ cho việc chấm điểm).</p>

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	CÁCH CHẤM ĐIỂM	TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
6.2	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên tăng loại mức độ tự chủ tài chính so với giai đoạn trước	0,50	<p>1. Đạt 1 trong 2 nội dung: 0,5 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thêm ĐVSNCL được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên tăng lên tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. - Có thêm ĐVSNCL tự đảm bảo một phần chi thường tăng lên tự đảm bảo chi thường xuyên. <p>2. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập không tăng loại mức độ tự chủ tài chính hoặc chưa được UBND huyện giao quyền tự chủ tài chính: 0 điểm.</p> <p>3. Trường hợp năm trước liền kề đơn vị đã đạt điểm ở tiêu chí này thì năm hiện hành nếu không có thêm đơn vị sự nghiệp công lập tăng loại mức độ tự chủ thì được tính hạ chuẩn.</p>	Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của Chủ tịch UBND huyện cho đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi loại hình (02 giai đoạn).
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1,50		
6.3.1	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính	0,50	<ul style="list-style-type: none"> - 100% ĐVSNCL được giao quyền tự chủ tài chính: 0,5 điểm. - Từ 50% đến dưới 100% ĐVSNCL được giao quyền tự chủ: 0,25 điểm. - Dưới 50% ĐVSNCL được giao quyền tự chủ: 0 điểm. 	Quyết định giao quyền tự chủ tài của Chủ tịch UBND huyện cho đơn vị sự nghiệp công lập.
6.3.2	Thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập năm trước liền kề	0,50	<p>1. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm trước liền kề thể hiện đầy đủ nội dung, đúng quy định và gửi về cơ quan tài chính chậm nhất ngày 28 tháng 02 hiện hành (theo dấu đến của cơ quan tài chính): 0,25 điểm.</p> <p>2. Tình hình thanh tra, kiểm toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề: <ul style="list-style-type: none"> + Không có kết luận sai phạm của cơ quan thanh tra, kiểm toán về xử lý tài chính: 0,25 điểm. + Trường hợp có kết luận sai phạm của cơ quan thanh tra, kiểm toán về tài chính: 0 điểm. - Không có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề: hạ điểm chuẩn. 	<p>1. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của từng đơn vị sự nghiệp công lập theo mẫu quy định.</p> <p>2. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của các huyện, thị xã, thành phố (để đối chiếu số liệu phục vụ chấm điểm).</p> <p>3. Kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề (Trường hợp không có thanh tra nhà nước các cấp, kiểm tra thì báo rõ để phục vụ cho việc chấm điểm).</p>

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	CÁCH CHẤM ĐIỂM	TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
6.3.3	Công khai dự toán năm hiện hành và quyết toán ngân sách năm trước liền kề theo quy định	0,50	<p>1. Công khai ngân sách đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công khai dự toán, thu chi NSNN (biểu số 02 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC) và Công khai quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước (năm trước liền kề) theo biểu số 04 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC và đúng thời gian quy định: 0,25 điểm. - Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước quý I/06 tháng/quý III (biểu số 03 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC) và đúng thời gian quy định: 0,25 điểm. <p>2. Trường hợp không công khai hoặc chưa đúng biểu; trễ thời gian quy định: 0 điểm.</p> <p><i>* Lưu ý: Áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách.</i></p>	Văn bản công khai dự toán năm hiện hành và quyết toán ngân sách năm trước liền kề, kèm các mẫu biểu theo quy định.